

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-5-2022

V/v ly hôn và tranh chấp
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Còn
2. Bà Nguyễn Thị Kim Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Trúc L, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã LT, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn N, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số Y, ấp BT, xã TB, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Trúc L trình bày: Bà và ông Trần Văn N quen biết năm 2017 và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MB (nay là xã TB), huyện T, tỉnh Long An vào ngày 30 tháng 10 năm 2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc đến

đầu năm 2021 thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không thể sống chung với nhau được. Bà đã đưa con về sống ở quê mẹ của bà tại xã LT, huyện T, không còn chung sống với ông N từ đầu năm 2021 cho đến nay. Ông N cũng không đến thăm nom con và không có thiện ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà. Vì nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm đến nhau nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông N có một con chung tên Trần Anh M sinh ngày 27 tháng 3 năm 2019, hiện đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định trong quá trình chung sống bà và ông N không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày hay phản đối yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ mà bà L đã cung cấp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Trúc L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Trúc L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Trần Văn N và có tranh chấp về quyền nuôi dưỡng con chung, bị đơn ông Trần Văn N hiện đang cư trú tại xã TB, huyện T, tỉnh Long An. Vì vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Đồng thời nguyên đơn có đơn ngày 14 tháng 3 năm 2022 đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Trúc L xin ly hôn với ông Trần Văn N, thấy rằng: Bà L và ông N tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 23/2017 đăng ký ngày 30 tháng 10 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã MB (nay là xã TB), huyện T, tỉnh Long An cho nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông N được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo bà L trình bày, giữa bà và ông N có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Bà L đã đưa con về nhà mẹ ruột sống từ đầu năm 2021 cho đến nay, không còn chung sống với ông N, từ khi đó đến nay ông N cũng không đến thăm nom vợ con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay ông N đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông N đều vắng mặt và không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà L. Như vậy chứng tỏ ông N cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà L. Vì vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông N là có phát sinh trên thực tế, vợ chồng đã không còn chung sống, không còn quan tâm đến nhau, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Trúc L là có cơ sở nên được chấp nhận là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà L và ông N có một con chung tên Trần Anh M, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2019 hiện đang ở với bà L. Vì cháu M hiện chưa đủ 07 tuổi nên Tòa án không ghi nhận nguyện vọng của cháu M mong muốn được ở với cha hay mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại cháu M ở với bà L, bà L đã chăm sóc cháu M từ khi cháu được sinh ra cho đến nay. Mặt khác, ông N cũng không có ý kiến phản đối với yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con của bà L. Vì để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý của cháu M, cũng như ổn định mọi mặt sinh hoạt của con chung thì cần tiếp tục để bà L nuôi dưỡng, chăm sóc cháu là phù hợp với quy định tại các Điều 58 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, ông N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền ngăn cản. Khi ông N có yêu cầu về người trực tiếp nuôi con thì có thể nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác. Về mức cấp dưỡng nuôi con, bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L trình bày trong quá trình chung sống bà và ông N không có tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và nợ chung. Vì bị đơn ông Trần Văn N vắng mặt, không có ý kiến trình bày về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Trúc L về việc “Ly hôn và tranh chấp về quyền nuôi con” đối với ông Trần Văn N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Trúc L được ly hôn với ông Trần Văn N.

Về con chung: Bà Trần Thị Trúc L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Anh M, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2019. Ông Trần Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định của pháp luật.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Trần Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007138 ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ tỉnh Long An, bà L đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- UBND xã Tân Bình, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Hoàng Dung